TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST
Ngày: 10- 4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Trần Quốc Thịnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-DS ngày 02/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1961. Địa chỉ: 205A, Khu X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Ấp 1B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn K, sinh năm: 1942. Địa chỉ: Ấp 1B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Do là chỗ quen biết với nhau nên bà có cho bà Nguyễn Thị K vay tiền như sau: Ngày 10/6/2016, bà có cho bà K vay số tiền 120.000.000 đồng, đến ngày 10/8/2016, bà cho bà K vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay số tiền là 170.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều có làm biên nhận do bà K viết và ký tên vào biên nhận nhận tiền và thỏa thuận về lãi suất, phương thức trả lãi, thời gian trả tiền

vay như sau: Lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, phương thức trả lãi là trả hàng tháng từ ngày 10 - 15 dương lịch, thời hạn vay thỏa thuận khi nào bà có nhu cầu lấy lại tiền thì báo trước cho bà K biết trong thời gian từ 01- 02 tháng bà K sẽ trả; mục đích bà K vay để làm ăn và trả qua những khoản nợ khác.

Sau khi vay, bà K trả lãi cho bà nhiều lần, tổng cộng số tiền 18.500.000 đồng sau đó ngưng trả lãi cho đến nay. Tháng 11/2016, bà yêu cầu bà K trả tiền vốn vay cho bà, bà K hứa tháng 11/2016 sẽ trả tiền cho bà nhưng bà K không thực hiện.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn K cùng liên đới trả cho bà số tiền vay là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Bà thống nhất với trình bày của bà X về việc bà có vay của bà X số tiền tổng cộng là 170.000.000 đồng nhưng vay nhiều lần, có lần 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng và 50.000.000 đồng; sau đó tổng cộng các lần vay thì bà mới viết giấy nhận nợ số tiền vay là 120.000.000 đồng vào ngày 10/6/2016 và 50.000.000 đồng vào ngày 10/8/2016. Về lãi suất thỏa thuận, phương thức trả tiền vay và lãi đúng như bà X trình bày, mục đích vay đều là để đóng hụi và trả nợ cho những chủ nợ khác có khi cũng để trả lãi cho bà X. Do làm ăn thất bại nên bà không có tiền trả nợ cho bà X. Khi bà vay tiền của bà X thì chồng của bà là ông Trần Văn K không biết khi bà X đến nhà đòi nợ thì ông K mới biết nhưng ông K không ý kiến.

Sau khi vay bà có trả lãi cho bà X đến tháng 12/2016, tổng cộng số tiền lãi đã trả là 103.000.000 đồng. Do việc bà trả lãi cho bà X không có chứng cứ chứng minh nên bà không yêu cầu điều chỉnh lãi.

Nay bà đồng ý trả cho bà X số tiền vay gốc là 170.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng vì bà không có khả năng trả một lần và bà tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà X vì ông K không có liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý cũng như thông báo về phiên hòa giải hợp lệ nhưng ông K không tham gia hòa giải. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo mời tham gia phiên tòa cho ông K nhưng ông K cũng không đến tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng ông K không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông K.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị X khởi kiện bà Nguyễn Thị K là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng vay" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho bà X số tiền vay là 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị K thừa nhận có vay của bà X tổng cộng 170.000.000 đồng và cũng đồng ý trả cho bà X tiền vay là 170.000.000 đồng nên yêu cầu của bà X là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, bà K và ông K là vợ chồng với nhau, việc bà K vay tiền của bà X là để đóng hụi, trả qua những khoản vay khác. Mặc dù, bà K cho rằng khi bà K vay tiền của bà X thì ông K không biết, đến khi bà X đến nhà đòi nợ ông K mới biết nên ông K không có liên quan và bà K tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà X. Nhưng số nợ bà K nợ của bà X có trong thời kỳ hôn nhân nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà K và ông K. Việc bà X yêu cầu bà K và ông K có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho bà X là có căn cứ. Do đó, áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc ông K phải có trách nhiệm liên đới cùng bà K trả cho bà X số tiền vay là 170.000.000 đồng.

Về lãi suất: Do bà X không yêu cầu tính lãi nên không xét.

Về thời gian và hình thức trả nợ: tại phiên tòa tuy các đương sự thống nhất về số nợ nhưng không thống nhất thời gian và hình thức trả nợ, cụ thể bà K yêu cầu được trả dần số nợ mỗi tháng 3.000.000đ nhưng bà X không chấp nhận và pháp luật không quy định cho trả dần nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần nợ của bà K.

[4]Về án phí: Bà K và ông K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng do bà K và ông K có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cần xem xét miễn án phí cho bà K và ông K.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện bà Nguyễn Thị K về việc "Tranh chấp hợp đồng vay".

2. Buộc bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền vay là 170.000.000đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K và ông Trần Văn K được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị X được hoàn lại 4.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000697 ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Út